

Bản án số: 26/2023/HS-PT
Ngày: 31/3/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hòa

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thành
Ông Vũ Đức Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Thanh Lê Anh Tuấn- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận, xét xử công khai phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 06/2023/TLPT-HS, ngày 03 tháng 02 năm 2023 do Bản án hình sự sơ thẩm số 141/2022/HS-ST, ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXPT-HS ngày 21 tháng 3 năm 2023 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **TRẦN Q**, sinh năm: 1994; tại: Bình Thuận; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã B1, huyện B, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần C (chết) và bà: Nguyễn Thị H; Vợ con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 21/9/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố P xử phạt 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 18 tháng, về tội: “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, ngày 21/3/2018 chấp hành xong án treo, hiện đã xóa án tích. Bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 17/6/2022, ngày 25/6/2022 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Thuận.

2/ Họ và tên: **THANH TRỌNG N** (Tên gọi khác: B), sinh năm 1996; Nơi sinh: Bình Thuận; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn A, xã B1, huyện B, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Chăm; Giới tính: nam; Tôn giáo: Bà La Môn; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Thanh Văn N và bà Đào Thị Thái H; Bị cáo là con lớn nhất trong gia đình có bốn anh em, nhỏ

nhất sinh năm 2007; Vợ: Thi Tam T; Con: có 02 con, lớn sinh năm 2016 nhỏ sinh năm 2018. Tiền án; Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 17/6/2022, ngày 25/6/2022 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Thuận.

3/ Họ và tên **PHAN VĂN T**, sinh năm 1994; Nơi sinh: Bình Thuận. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn A, xã B1, huyện B, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn T và bà Đoàn Thị P; Bị cáo là con thứ ba trong gia đình có bốn chị em, lớn nhất sinh năm 1984 nhỏ nhất sinh năm 1999; Vợ: Thông Siêng L; Con: 01 con sinh năm 2015. Tiền án; Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 17/6/2022, ngày 25/6/2022 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Thuận.

- Bị hại: Lê Nguyên P, sinh năm 1979 (có mặt).

Nơi thường trú: 4.10 C/c Lô A, cư xá G, phường S, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi ở hiện tại: Số 16 Trần Phú, thôn H, xã H1, huyện B, tỉnh Bình Thuận

Đại diện theo ủy quyền của ông Phi: Ông Đinh Hoài N, sinh năm 1960. Theo văn bản ủy quyền ngày 14/12/2022 (có mặt).

Địa chỉ: số 478 thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đào Thị Thái H, sinh năm 1978 (có mặt). Địa chỉ: Thôn A, xã B1, huyện B, tỉnh Bình Thuận

Người kháng cáo: Bị hại Lê Nguyên P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 14/6/2022, Trần Q, sinh năm 1994 ở thôn A, xã B1, huyện B, tỉnh Bình Thuận điện thoại rủ Thanh Trọng N, sinh năm 1996 và Phan Văn T, sinh năm 1994 ở cùng thôn ra Đập Trần (Đập Trắng) ở thôn A, xã B1, huyện B chơi. N và T đến Đập Trần gặp Q, cả ba ngồi nói chuyện chơi với nhau. Sau đó, Q rủ N và T đi lấy trộm bầu điện trong đất rẫy thanh long của nhà Lê Nguyên P ở tại thôn T, xã B1, huyện B, tỉnh Bình Thuận thì N và T đồng ý, cả ba hẹn nhau vào tối ngày 15/6/2022 sẽ gặp nhau tại Đập Trần để cùng nhau đi lấy trộm bầu điện, sau đó cả ba đi về nhà ngủ.

Đến khoảng 19 giờ 00 phút ngày 15/6/2022, Q lấy các loại cờ lê (khóa 10, 12, 13, 14, 16, 17, 19, 22, 24-27), 01 cây sắt mở khóa tròn hai đầu, 06 thanh sắt tròn, 02 cây kìm, 01 cây lục giác hình chữ L, 01 cây kéo, 01 cây tuavit, 01 cây

mở lách, 04 cái tròng bằng sắt mở ốc tròn, 07 cây sắt tròn, 01 cây sắt tự chế, 01 cây kim cộng lực của Q để tại nhà bỏ vào một cái túi rồi để cái túi lên ba ga trước xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu xanh đen, biển số 86B2-076.31 do Q làm chủ sở hữu, Q lấy điện thoại di động hiệu Vivo bọc vào người rồi điều khiển xe mô tô đến Đập Tràn. Thanh Trọng N lấy xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu đen, biển số 86B1-237.66 do N làm chủ sở hữu, trên yên xe có để sẵn cây xà beng của gia đình, N điều khiển xe mô tô đến Đập Tràn. Khi Q và N đến Đập Tràn thì không thấy T nên Q lấy điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh tím điện thoại cho Phan Văn T bảo T đến Đập Tràn để cùng nhau đi lấy trộm bầu điện. T sau khi nghe điện thoại của Q thì điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision, màu trắng, biển số 86B2-551.14 do T làm chủ sở hữu chạy đến Đập Tràn gặp Q và N. Lúc này, T lấy điện thoại di động hiệu Redmi, màu đen có số thuê bao 0348190104 gọi vào số điện thoại di động của Lê Nguyên P giả vờ hỏi P đang ở đâu để thăm dò thì P nói với T là P đang đi công việc ở bên ngoài, không có ở nhà. Sau đó T tắt máy, T nói với Q là P không có ở nhà. Sau đó, T điều khiển xe mô tô của T, Q điều khiển xe mô tô của Q và N điều khiển xe mô tô của N chạy đến khu vực rẫy thanh long nhà P. Khi đến khu vực điện năng lượng mặt trời cách rẫy thanh long nhà P khoảng 03 km, T cất giấu xe mô tô của T tại đây rồi T leo lên xe của N để N chở T đi cùng Q vào khu vực rẫy thanh long nhà P. Q và N điều khiển xe đi thêm khoảng 01km thì Q và N dừng lại rồi giấu xe của Q và N vào bụi cây. Q lấy cái túi bên trong đựng dụng cụ mang theo cầm trên tay, N lấy cái xà beng cầm trên tay, cả ba đi bộ vào khu vực rẫy thanh long nhà P. Khi đến nơi đặt bầu điện, Q để cái túi đựng dụng cụ và N để cái xà beng xuống đất. Q bảo T đứng bên dưới canh chừng và đưa dụng cụ cho Q và N để Q và N leo lên cột điện tháo bầu điện để rơi xuống, T đồng ý đứng bên dưới còn Q và N leo lên cột điện nơi đặt bầu điện rồi Q kêu T đưa cờ lê (khóa 10, 12, 13, 14, ...) cho Q và N dùng để tháo bầu điện, Q và N dùng dụng cụ T đưa lên để tháo bầu điện, khoảng 20 phút thì tháo được bầu điện rơi xuống đất. Q và N leo xuống đất rồi cùng với T dùng cờ lê, kìm, kéo, xè beng... mở bầu điện, khoảng 30 phút thì Q, N và T mở được bầu điện lấy 02 lõi đồng bên trong. Sau khi lấy được 02 lõi đồng, Q và T khiêng 02 lõi đồng đi cách nơi đặt bầu điện khoảng 40 đến 50 mét để cất giấu. Sau khi cất giấu 02 lõi đồng, Q và T quay lại nơi đặt bầu điện phụ N dọn dụng cụ Q mang theo bỏ vào túi, Q cầm cái túi và cái xà beng của N, N và T tay không đi bộ ra nơi Q và N giấu xe. Q để cái túi và cái xà beng tại nơi giấu xe rồi Q lấy xe mô tô của Q, N lấy xe mô tô của N chở T chạy đến nơi T cất giấu xe. T lấy xe mô tô của T rồi điều khiển

chạy cùng Q, N về nhà và hẹn đến rạng sáng ngày 16/6/2022 quay lại lấy 02 lõi đồng đi nơi khác cất giấu để tìm người bán, sau đó ai về nhà này.

Đến khoảng 01 giờ ngày 16/6/2022, Q bọc điện thoại di động hiệu Vivo vào người rồi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu xanh đen, biển số 86B2-076.31 đến Đập Tràn; N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu đen, biển số 86B1-237.66 đến Đập Tràn. Thấy T chưa đến nên Q dùng điện thoại di động hiệu Vivo mang theo điện thoại cho T bảo T đến Đập Tràn đi cùng Q và N mang 02 lõi đồng đi nơi khác cất giấu. T sau khi nghe điện thoại của Q thì điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision, màu trắng, biển số 86B2-551.14 đến Đập Tràn gặp Q và N rồi cả ba điều khiển xe đến nơi cất giấu 02 lõi đồng. Khi đến đường gần vào nơi cất giấu 02 lõi đồng thì Q bảo T chạy xe vòng ngoài cạnh giới cho Q và N đi vào lấy 02 lõi đồng mang đi nơi khác cất giấu thì T đồng ý, T chạy xe vòng ngoài canh gác còn N và Q chạy xe vào nơi để 02 lõi đồng, Q và N cùng nhau khiêng từng lõi đồng để lên ba ga trước xe mô tô của Q và xe mô tô của N. Sau khi để 02 lõi đồng lên xe mô tô thì Q điều khiển xe mô tô của Q chở 01 lõi đồng và N điều khiển xe mô tô của N chở 01 lõi đồng chạy đến đất rẫy thanh long nhà N ở thôn A, xã B1, huyện B cách đất rẫy thanh long nhà P khoảng 02 đến 03Km để cất giấu. Khi Q và N điều khiển xe mô tô chở 02 lõi đồng chạy ra đường nhựa thì T thấy nên T chạy xe về nhà trước. Q và N chở 02 lõi đồng đến đất rẫy thanh long nhà N cất giấu rồi Q và N điều khiển xe đi về nhà ngủ.

Lê Nguyên P sau khi đi công việc về rẫy thanh long thì phát hiện bầu điện đã bị kẻ gian tháo trộm nên làm đơn trình báo Công an xã B1. Công an xã B1 báo cáo Cơ quan điều tra phối hợp khám nghiệm hiện trường. Quá trình xác minh nghi ngờ Q có liên quan đến bầu điện bị mất trộm tại rẫy thanh long nhà Lê Nguyên P nên mời Q về trụ sở Công an xã B1 làm việc, biết không thể chối cãi nên Q đã khai nhận cùng với Thanh Trọng N, Phan Văn T lấy trộm bầu điện của Lê Nguyên P vào đêm 15/6/2022 và chỉ nơi cất giấu 02 lõi đồng. Công an tiến hành thu giữ 02 lõi đồng tại đất rẫy thanh long nhà Thanh Trọng N. Trần Q giao nộp dụng cụ dùng để tháo, mở bầu điện gồm cờ lê (khóa 10, 12, 13, 14, 16, 17, 19, 22, 24- 27), 01 cây sắt mở khóa tròn hai đầu, 06 thanh sắt tròn, 02 cây kìm, 01 cây lục giác hình chữ L, 01 cây kéo, 01 cây tua vít, 01 cây mỏ lếch, 04 cái tròng bằng sắt mở ốc tròn, 07 cây sắt tròn, 01 cây sắt tự chế, 01 cây kìm cộng lực, 01 cây xà beng. Công an mời Thanh Trọng N, Phan Văn T làm việc, biết không thể chối cãi nên N và T đã thừa nhận cùng với Trần Q lấy trộm bầu điện của Lê Nguyên P vào đêm 15/6/2022.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 33/2022/HĐĐG-TTHS ngày 23/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận: 01 (một) cái máy biến áp 100KVA (bầu điện thanh long) lắp đặt năm 2014, còn nguyên vẹn và hoạt động bình thường vào ngày 15/6/2022, bị trộm cắp vào ngày 15/6/2022 tại xã B1, nguyên giá 230.000.000 đồng, chất lượng còn lại 60%, thành tiền 138.000.000 đồng.

Về tang, vật chứng: Cơ quan điều tra tạm giữ: 02 (hai) cuộn hạ thế hình trụ, đường kính đầu và đáy là 35cm, chiều cao 28cm, bên ngoài được bao bọc bởi một lớp giấy cách điện màu vàng đồng, bên trong có 02 vòng biến điện ra hạ thế (kim loại màu vàng đồng). Sau khi định giá, Cơ quan điều tra trả cho Lê Nguyên P nhưng P không nhận. Cơ quan điều tra sẽ chuyển vào kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B để bảo quản, chờ xử lý.

Cơ quan điều tra tạm giữ: 02 (hai) cờ lê (khóa 24-27) dài khoảng 30cm; 01 (một) cờ lê (khóa 22) dài khoảng 27cm; 03 (ba) cờ lê (khóa 19) dài khoảng 25cm; 03 (ba) cờ lê (khóa 17) dài khoảng 25cm; 01 (một) cờ lê (khóa 16) dài khoảng 22cm; 01 (một) cờ lê (khóa 14) dài khoảng 20cm; 02 (hai) cờ lê (khóa 13) dài khoảng 15cm; 03 (ba) cờ lê (khóa 12) dài khoảng 12cm; 01 (một) cờ lê (khóa 10) dài khoảng 10cm; 01 (một) cây sắt mở khóa tròn 2 đầu (10-11) dài khoảng 22cm; 06 (sáu) thanh sắt tròn (đỉnh tán) dài khoảng 22cm; 02 (hai) cây kìm (01 cây dài khoảng 17cm, 01 cây dài khoảng 20cm); 01 (một) lục giác hình chữ L dài khoảng 20cm 01 (một) cây kéo dài khoảng 22cm; 01 (một) tuavít dài khoảng 20cm; 01 (một) mỏ lách dài khoảng 25cm; 04 (bốn) cái tròng bằng sắt mở ốc tròn (trong đó có 03 cái dài 20cm, 01 cái dài 18cm); 07 (bảy) cây sắt tròn đường kính 01cm (trong đó có 05 cây dài khoảng 23cm, 02 cây dài khoảng 20cm); 01 (một) cây sắt tự chế (dài khoảng 23cm) có gắn xích (dài khoảng 50cm); 01 (một) cây kìm cộng lực dài khoảng 75cm; 01 (một) cây xà beng sắt dài khoảng 1,3m do Trần Q giao nộp. Đây là công cụ dùng vào việc phạm tội, Cơ quan điều tra sẽ chuyển vào kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B để bảo quản, xử lý theo quy định.

Cơ quan điều tra thu giữ: 01(một) xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius màu xanh đen, biển số 86B2-076.31, 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo của Trần Q; 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, loại Wave, màu đen, biển số 86B1-237.66 của Thanh Trọng N; 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, loại Vision, màu trắng, biển số 86B2-551.14, 01 điện thoại di động hiệu Redmi, màu đen của Phan Văn T.

Quá trình điều tra xác định Phan Văn T không dùng xe mô tô hiệu Honda, loại Vision, màu trắng, biển số 86B2-551.14 vào việc phạm tội. Vì vậy, Cơ quan

điều tra trả lại chiếc xe mô tô biển số 86B2-551.14 cho Phan Văn T theo quy định.

Trần Q dùng xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius màu xanh đen, biển số 86B2-076.31 và điện thoại di động hiệu Vivo vào việc phạm tội. Thanh Trọng N dùng xe mô tô hiệu Honda, loại Wave, màu đen, biển số 86B1-237.66 vào việc phạm tội. Phan Văn T dùng điện thoại di động hiệu Redmi, màu đen vào việc phạm tội. Cơ quan điều tra sẽ chuyển vào kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B để bảo quản, xử lý theo quy định.

Về phần dân sự: Bị hại Lê Nguyên P yêu cầu Trần Q, Phan Văn T, Thanh Trọng N lắp đặt máy biến áp 100KVA (bầu điện thanh long) mới cho ông P. Q, N, T đồng ý bồi thường số tiền 138.000.000 đồng cho ông P theo giá của Hội đồng định giá tài sản, N nộp bồi thường số tiền 40.000.000 đồng, Q và T chưa bồi thường.

Thanh Trọng N đã tác động gia đình nộp số tiền 40.000.000 đồng nhằm bồi thường khắc phục hậu quả cho Lê Nguyên P, P không nhận. Cơ quan điều tra đã nộp vào tài khoản của Chi Cục thi hành án dân sự huyện B chờ xử lý.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 141/2022/HS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định:

Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tuyên bố bị cáo Trần Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt: Bị cáo Trần Q 04 (Bốn) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 16/6/2022

Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tuyên bố bị cáo Thanh Trọng N phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt: Bị cáo Thanh Trọng N 03 (Ba) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 16/6/2022

Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tuyên bố bị cáo Phan Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt: Bị cáo Phan Văn T 03 năm 06 tháng (Ba) năm (Sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 16/6/2022

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho ông Lê Nguyên P: 02 (hai) cuộn hạ thế hình trụ, đường kính đầu và đáy là 35cm, chiều cao 28cm, bên ngoài được bao bọc bởi một lớp giấy cách điện màu vàng đồng, bên trong có 02 vòng biến điện ra hạ thế (kim loại màu vàng đồng). Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/12/2022 giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Tịch thu sung công:

- 02 (hai) cò lê (khóa 24-27) dài khoảng 30cm; 01 (một) cò lê (khóa 22) dài khoảng 27cm; 03 (ba) cò lê (khóa 19) dài khoảng 25cm; 03 (ba) cò lê (khóa 17) dài khoảng 25cm; 01 (một) cò lê (khóa 16) dài khoảng 22cm; 01 (một) cò lê (khóa 14) dài khoảng 20cm; 02 (hai) cò lê (khóa 13) dài khoảng 15cm; 03 (ba) cò lê (khóa 12) dài khoảng 12cm; 01 (một) cò lê (khóa 10) dài khoảng 10cm; 01 (một) cây sắt mở khóa tròn 2 đầu (10-11) dài khoảng 22cm; 06 (sáu) thanh sắt tròn (đỉnh tán) dài khoảng 22cm; 02 (hai) cây kìm (01 cây dài khoảng 17cm, 01 cây dài khoảng 20cm); 01 (một) lục giác hình chữ L dài khoảng 20cm 01 (một) cây kéo dài khoảng 22cm; 01 (một) tuavít dài khoảng 20cm; 01 (một) mỏ lếch dài khoảng 25cm; 04 (bốn) cái tròng bằng sắt mở ốc tròn (trong đó có 03 cái dài 20cm, 01 cái dài 18cm); 07 (bảy) cây sắt tròn đường kính 01cm (trong đó có 05 cây dài khoảng 23cm, 02 cây dài khoảng 20cm); 01 (một) cây sắt tự chế (dài khoảng 23cm) có gắn xích (dài khoảng 50cm); 01 (một) cây kìm cộng lực dài khoảng 75cm; 01 (một) cây xà beng sắt dài khoảng 1,3m.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius màu xanh đen, biển số 86B2-076.31 của bị cáo Trần Q.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, loại Wave, màu đen, biển số 86B1-237.66 của bị cáo Thanh Trọng N.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo.

- 01 điện thoại di động hiệu Redmi, màu đen.

Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/12/2022 giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 46 và khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 và Điều 357 Bộ luật dân sự buộc các bị cáo Trần Q, Thanh Trọng N, Phan Văn T phải liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Lê Nguyên P với số tiền 138.000.000 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu đồng).

Cụ thể:

Bị cáo Trần Q phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại Lê Nguyên P số tiền là 46.000.000 đồng.

Bị cáo Thanh Trọng N phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại Lê Nguyên P số tiền là 46.000.000 đồng.

Bị cáo Phan Văn T phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại Lê Nguyên P số tiền là 46.000.000 đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 40.000.000 đồng của bà Đào Thị Thái H mẹ của bị cáo Thanh Trọng N nộp tại cơ quan điều tra và cơ quan điều tra nộp theo giấy nộp tiền ngày 06/10/2022 vào số tài khoản 3949.0.1054520 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B tại Kho bạc Nhà nước huyện B để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023, bị hại Lê Nguyên P kháng cáo và ngày 13/02/2023 kháng cáo bổ sung yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để tiến hành điều tra, truy tố và xét xử lại do bản án sơ thẩm chưa đảm bảo quyền lợi cho bị hại và có vi phạm tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị hại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật và phần bồi thường dân sự, bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường 154.000.000 đồng trị giá bình điện do các bị cáo chiếm đoạt.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người và đúng tội.

Bị hại kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử lại vì có dấu hiệu bỏ lọt tội “*Hủy hoại tài sản*” và việc định giá tài sản không căn cứ vào giá thị trường gây thiệt hại cho bị hại. Xét thấy, hành vi khách quan của các bị cáo thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, đối với tội “*Hủy hoại tài sản*” không thỏa mãn các dấu hiệu cấu thành tội phạm nên không có căn cứ. Đối với việc định giá tài, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định, tại phiên tòa bị hại cũng không cung cấp được các căn cứ nghi ngờ về kết luận định giá để cần phải định giá lại.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị hại yêu cầu bồi thường tổng số 154.000.000 đồng trị giá tài sản bị thiệt hại. Các bị cáo đã tự nguyện, chấp nhận số tiền bồi thường này. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần kháng cáo của bị hại, ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của các bị cáo cho bị hại đối với số tiền 154.000.000 đồng.

Bản án sơ thẩm có sự nhầm lẫn trong việc tuyên án phí dân sự đối với số tiền Phan Văn T đã nộp bồi thường tại cơ quan điều tra và không tuyên về lãi suất chậm trả đối với số tiền buộc các bị cáo phải bồi thường là không đúng với quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử sửa lại cho phù hợp với quy định.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự sửa án bản sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Chủ thể kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức đơn kháng cáo của người bị hại Lê Nguyên P phù hợp với quy định pháp luật, nên có cơ sở để được xem xét theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị hại yêu cầu hủy án sơ thẩm đề điều tra, truy tố và xét xử lại do vi phạm tố tụng, việc định giá tài sản không phù hợp và bỏ lọt tội phạm, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Đối với lý do kháng cáo do có vi phạm tố tụng trong việc xử lý tin báo tội phạm, Hội đồng xét xử nhận thấy: khi phát hiện tài sản bị mất trộm ngày 16/6/2022 bị hại Lê Nguyên P đã làm đơn trình báo mất tài sản. Ngày 16/6/2022, Công an huyện B đã phối hợp với Công an xã B1 khám nghiệm hiện trường và khoanh vùng đối tượng nghi ngờ. Ngày 16/6/2022, Cơ quan điều tra Công an huyện B đã ra lệnh bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Trần Q, Phan Văn T và Thanh Trọng N. Đồng thời, tiến hành các thủ tục định giá tài sản và có căn cứ ngày 24/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ban hành Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can. Vì vậy, hoạt động xử lý tin báo tội phạm của Cơ quan tiến hành tố tụng huyện B là phù hợp với quy định tại Điều 146 Bộ luật tố tụng hình sự, đảm bảo đầy đủ các quyền cho người tố giác tội phạm.

[2.2] Đối với kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự: Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm người bị hại và đại diện theo uỷ quyền của bị hại có yêu cầu:

Hủy Kết luận định giá tài sản ngày 23/6/2022 vì theo bị hại và đại diện theo uỷ quyền của bị hại cho rằng Kết luận định giá tài sản không phù hợp với Điều 4 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 03 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự và bị hại chỉ được thông báo Kết luận

về định giá tài sản, không nhận được Kết luận về định giá tài sản là tước đi quyền của bị hại. Cơ quan điều tra Công an huyện B vi phạm Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử ra quyết định định giá lại tài sản.

Căn cứ theo biên bản ghi lời khai ngày 11/7/2022 tại Công an huyện B thì bị hại Lê Nguyên P đã được Cơ quan điều tra thông báo về Kết luận định giá tài sản số 33/2022/HĐĐG-TTHS ngày 23/6/2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện B và ông P có ý kiến là không đồng ý với giá của Hội đồng định giá nhưng ông P không có văn bản yêu cầu định giá lại tài sản bị thiệt hại. Xét việc định giá của Hội đồng định giá là thực hiện hiện theo quy định của pháp luật trong tố tụng hình sự và Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 03 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự, giá Hội đồng định giá là căn cứ vào giá thị trường và việc ghi nhận trong biên bản ghi lời khai là một hình thức thông báo quy định tại khoản 2 Điều 222 Bộ luật tố tụng hình sự cho bị hại nên Kết luận định giá không vi phạm Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Hơn nữa, tại phiên tòa phúc thẩm bị hại cũng không cung cấp được các căn cứ nghi ngờ về kết luận định giá để cần phải định giá lại theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 03 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự

[2.3] Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó các hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo, thấy rằng: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận: vào khoảng 20 giờ ngày 15/6/2022 tại vườn thanh long của Lê Nguyên P ở thôn T, xã B1, huyện B, tỉnh Bình Thuận, do bị cáo Trần Q, bị cáo Thanh Trọng N, bị cáo Phan Văn T thực hiện hành vi lén lút tháo trộm 01 (một) cái máy biến áp 100KVA (bầu điện thanh long) trị giá 138.000.000 đồng của Lê Nguyên P thì bị phát hiện.

Hành vi của các bị cáo là cố ý, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến

tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Nên việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo, là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Bị hại cho rằng ngoài hành vi lấy trộm 02 cuộn lõi đồng thì các bị cáo còn thỏa mãn dấu hiệu của tội “*Hủy hoại tài sản*” do hành vi đập phá trạm biến áp để lấy lõi đồng dẫn đến trạm biến áp bị hư hỏng nên cấu thành tội này. Hội đồng xét xử xét nhận thấy hành vi của các bị cáo tháo trộm 01 (một) cái máy biến áp 100KVA (bầu điện thanh long) nhằm mục đích để lấy lõi đồng bán lấy tiền tiêu xài, cấp sơ thẩm xác định hành vi “*Trộm cắp tài sản*” của các bị cáo là hành vi chiếm đoạt 01 cái máy biến áp 100KVA (Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng cũng định giá giá trị chiếm đoạt là 01 máy biến áp 100KVA), chứ không phải chỉ định giá 02 cuộn lõi đồng do các bị cáo mang đi như người bị hại trình bày. Vì vậy, không có căn cứ để xử lý các bị cáo về tội “*Hủy hoại tài sản*” như yêu cầu của bị hại.

[4] Phần bồi thường dân sự: Tại phiên tòa phúc thẩm bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường 154.000.000 đồng trị giá cái máy biến áp 100KVA. Các bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của các bị cáo phù hợp với quy định của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội nên ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Cấp sơ thẩm buộc bị cáo Thanh Trọng N phải chịu án phí đối với toàn bộ số tiền phải bồi thường là 46.000.000 đồng, trong khi gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 40.000.000 đồng và đã nộp tại Cơ quan điều tra là không phù hợp. Trong trường hợp này, bị cáo N chỉ phải chịu án phí đối với số tiền còn phải bồi thường thêm là 6.000.000 đồng. Hơn nữa, cấp sơ thẩm không tuyên lãi suất chậm thi hành là sai sót, không phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Mặt khác, bản án sơ thẩm xác định các bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 16/6/2022 để tính thời hạn chấp hành án đối với các bị cáo nhưng căn cứ vào biên bản bắt người bị tạm giữ trong trường hợp khẩn cấp thể hiện các bị cáo bị bắt vào lúc 17 giờ 10 ngày 17/6/2022 (BL 13, 14 và 15). Như vậy, căn cứ để tính thời hạn chấp hành án đối với các bị cáo phải xác định từ ngày 17/6/2022 mới phù hợp.

[7] Từ nhận định trên, có thể xem xét chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại, sửa bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường giữa các bị cáo và bị hại; đồng thời sửa phần án dân sự sơ thẩm và tuyên lãi suất chậm thi hành án để bảo đảm quyền cho người bị hại và phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: điểm d khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận 01 phần kháng cáo của bị hại. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 141/2021/HS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B.

2. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Q, Phan Văn T và Thanh Trọng N, phạm tội “Trộm cắp tài sản”

2.1 Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Trần Q **04 (Bốn)** năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt ngày 17/6/2022.

2.2 Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt: Bị cáo Thanh Trọng N **03 (Ba)** năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt ngày 17/6/2022.

2.3 Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt: Bị cáo Phan Văn T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt ngày 17/6/2022.

3. Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 46 và khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 và Điều 357 Bộ luật dân sự. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo Trần Q, Thanh Trọng N, Phan Văn T với người bị hại Lê Nguyên P. Các bị cáo Trần Q, Thanh Trọng N, Phan Văn T phải liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Lê Nguyên P với số tiền 154.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi tám triệu đồng*); được chia phần cụ thể như sau:

Bị cáo Trần Q phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại Lê Nguyên P số tiền là 51.340.000 đồng (*Năm mươi một triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng*).

Bị cáo Thanh Trọng N phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại Lê Nguyên P số tiền là 51.330.000.000 đồng; nhưng được khấu trừ số tiền 40.000.000 đồng mà gia đình bị cáo N đã nộp tại Cơ quan cảnh sát điều tra

Công an huyện B. Số tiền còn lại bị cáo Thanh Trọng N phải tiếp tục bồi thường là 11.330.000 đồng (*Mười một triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng*).

Bị cáo Phan Văn T phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại Lê Nguyên P số tiền là 51.330.000 đồng (*Năm mươi một triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng*).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 40.000.000 đồng của bà Đào Thị Thái H là mẹ của bị cáo Thanh Trọng N nộp tại cơ quan điều tra và cơ quan điều tra nộp theo giấy nộp tiền ngày 06/10/2022 vào số tài khoản 3949.0.1054520 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B tại Kho bạc Nhà nước huyện B để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho ông Lê Nguyên P: 02 (hai) cuộn hạ thế hình trụ, đường kính đầu và đáy là 35cm, chiều cao 28cm, bên ngoài được bao bọc bởi một lớp giấy cách điện màu vàng đồng, bên trong có 02 vòng biến điện ra hạ thế (kim loại màu vàng đồng). Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/12/2022 giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Tịch thu sung công:

- 02 (hai) cờ lê (khóa 24-27) dài khoảng 30cm; 01 (một) cờ lê (khóa 22) dài khoảng 27cm; 03 (ba) cờ lê (khóa 19) dài khoảng 25cm; 03 (ba) cờ lê (khóa 17) dài khoảng 25cm; 01 (một) cờ lê (khóa 16) dài khoảng 22cm; 01 (một) cờ lê (khóa 14) dài khoảng 20cm; 02 (hai) cờ lê (khóa 13) dài khoảng 15cm; 03 (ba) cờ lê (khóa 12) dài khoảng 12cm; 01 (một) cờ lê (khóa 10) dài khoảng 10cm; 01 (một) cây sắt mở khóa tròn 2 đầu (10-11) dài khoảng 22cm; 06 (sáu) thanh sắt tròn (đỉnh tán) dài khoảng 22cm; 02 (hai) cây kìm (01 cây dài khoảng 17cm, 01

cây dài khoảng 20cm); 01 (một) lục giác hình chữ L dài khoảng 20cm 01 (một) cây kéo dài khoảng 22cm; 01 (một) tuavit dài khoảng 20cm; 01 (một) mỏ lách dài khoảng 25cm; 04 (bốn) cái tròng bằng sắt mở ốc tròn (trong đó có 03 cái dài 20cm, 01 cái dài 18cm); 07 (bảy) cây sắt tròn đường kính 01cm (trong đó có 05 cây dài khoảng 23cm, 02 cây dài khoảng 20cm); 01 (một) cây sắt tự chế (dài khoảng 23cm) có gắn xích (dài khoảng 50cm); 01 (một) cây kim cộng lực dài khoảng 75cm; 01 (một) cây xà beng sắt dài khoảng 1,3m.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius màu xanh đen, biển số 86B2-076.31 của bị cáo Trần Q.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, loại Wave, màu đen, biển số 86B1-237.66 của bị cáo Thanh Trọng N.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo.

- 01 điện thoại di động hiệu Redmi, màu đen.

Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc B. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/12/2022 giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Q phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.567.000 đồng án phí dân sự.

Bị cáo Phan Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.566.500 đồng án phí dân sự.

Bị cáo Thanh Trọng N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 566.500 đồng án phí dân sự.

Người bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKS, CA, TA, THA huyện Bắc Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Thuận;
- Những người tham gia tố tụng;
- PV06 - Công an tin Bình Thuận;
- Lưu: hồ sơ, Tổ HCTP, Tòa hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thanh Hòa

